

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Bội T, sinh năm: 1980; cư trú: đường P, khóm B, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Như M, sinh năm: 1982; cư trú: đường L, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M chung sống và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường A, thị xã (nay là thành phố) S, tỉnh Sóc Trăng ngày 18/12/2001. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Trần Bội T có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Vợ chồng ông bà đã sống ly hôn hơn 01 năm nay. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông bà không có gửi đơn yêu cầu địa phương hòa giải về tình trạng hôn nhân của ông bà. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà. Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà Như M đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà đã sống ly hôn hơn 01 năm nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M.

[2]. Về con chung: ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M trình bày vợ chồng có 03 người con chung tên Trần Bội N (giới tính: nữ), sinh ngày 03/7/2002; Trần Bội H (giới tính: nữ), sinh ngày 31/5/2007; Trần Chí K (giới tính: nam), sinh ngày 29/01/2009; Sau khi ly hôn, ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Bội N; Trần Bội H và Trần Chí K cho bà Nguyễn Như M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Hiện cháu Trần Bội N; Trần Bội H và Trần Chí K do bà Nguyễn Như M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M thống nhất thỏa thuận hàng tháng ông Trần Bội T cấp dưỡng nuôi cháu Trần Bội N; Trần Bội H và Trần Chí K mỗi cháu 5.000.000 đồng cho đến khi cháu N, cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ 02/2019.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của ông bà phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Ông Trần Bội T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Trần Bội N; Trần Bội H và Trần Chí K mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[4]. Về nợ chung: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M trình bày vợ chồng có 03 người con chung tên Trần Bội N (giới tính: nữ), sinh ngày 03/7/2002; Trần Bội H (giới tính: nữ), sinh ngày 31/5/2007; Trần Chí K (giới tính: nam), sinh ngày 29/01/2009; Sau khi ly hôn, ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Bội N; Trần Bội H và Trần Chí K cho bà Nguyễn Như M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu H và

cháu K đủ 18 tuổi. Hiện cháu Trần Bội N; Trần Bội H và Trần Chí K do bà Nguyễn Như M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M thống nhất thỏa thuận hàng tháng ông Trần Bội T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Bội N; Trần Bội H và Trần Chí K mỗi cháu 5.000.000 đồng cho đến khi cháu N, cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ 02/2019.

Ông Trần Bội T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Trần Bội N; Trần Bội H và Trần Chí K mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Trần Bội T và bà Nguyễn Như M đã nộp theo biên lai thu số 0004880 và 0004879 cùng ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, Sóc Trăng. Ông T và bà Như M đã nộp tạm ứng xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên